TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 4 - 2026
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ôn Trương Minh Mẫn và bà Trần Thị Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2026/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc *"Xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST - HNGĐ ngày 03/4/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hồ C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số D L, xã Q, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị C1, sinh năm 1958. (Có mặt).

Địa chỉ: A H, xã Q, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ C trình bày:

Tôi và bà Trần Thị C1 xây dựng gia đình từ năm 1975, đến ngày 01/4/2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q cũ. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ trồng phát sinh và trầm trọng nhất là năm 2020, do tính cách không hợp, hay cãi vã, bất đồng quan điểm và đã tự chia tài sản với nhau, đồng thời ly thân được 06 năm nay. Hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do cuộc sống vợ chồng không

còn hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

* Về con chung: Tôi và bà Trần Thị C1 trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 05 con chung: Chị Hồ Thị Phi Y, sinh năm 1980; Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1981; Anh Hồ Sỹ Q, sinh năm 1983; Chị Hồ Thị Phương T, sinh năm 1986; Chị Hồ Thị Kiều D, sinh năm 1991.

Hiện nay các con đều trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị C1 trình bày:

- Tôi và ông Hồ Cang C2 nhau từ năm 1975, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn. Từ lúc cưới nhau hai vợ chồng cố gắng làm ăn và sinh được năm người con, chúng tôi đã cho ăn học xây dựng gia đình ổn định. Cuộc sống vợ chồng ăn nên làm ra. Tuy nhiên, những năm gần đây ông C thường có thói trăng hoa, quan hệ ngoài luồng bên ngoài với nhiều người phụ nữ khác, tôi và con cái đã tha thứ nhưng ông C không thay đổi, thậm chí còn dắt người phụ nữ khác về nhà và không xem tôi ra gì. Vì vậy, tôi cũng đồng ý ly hôn và giải phóng cuộc đời tôi. Về con chung, chúng tôi có 05 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản, chúng tôi đã thỏa thuận phân chia tài sản ngày 30/02/2020, tôi không yêu cầu giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ C và cho ông Hồ C được ly hôn với bà Trần Thị C1.

+ *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa Tòa án lần thứ hai, nguyên đơn ông Hồ C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn cùng các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định ngày 01/4/2016 ông Hồ C và bà Trần Thị C1 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và trầm trọng nhất là năm 2020, do tính cách không hợp, hay cãi vã, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng đã tự chia tài sản với nhau, đồng thời ly thân được 06 năm nay. Trong thời gian đó, hai vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc ông Hồ C xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với bà Trần Thị C1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Quá trình sinh sống ông Hồ C và bà Trần Thị C1 có 05 con chung: Chị Hồ Thị Phi Y, sinh năm 1980; Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1981; Anh Hồ Sỹ Q, sinh năm 1983; Chị Hồ Thị Phương T, sinh năm 1986; Chị Hồ Thị Kiều D, sinh năm 1991. Hiện nay các con đều trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng, nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Cang .

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ C được ly hôn với bà Trần Thị C1.

2. Về con chung: Hiện nay các con đều trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng, nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Hồ C được miễn án phí theo thông báo số 54/TB - TA ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND Khu vực 3 Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Quảng Phú;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bế Văn Toàn